

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞ/HEAD OFFICE
201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP.HCM
201-203 Cách Mạng Tháng Tám Street, Ban Co Ward, HCMC
[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688
[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

Số/No.: 1176/2025/CBTT-NHNA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2025

Ho Chi Minh City, August 26, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

OTHER INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức phát hành/Name of organization:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á/Nam A Commercial Joint Stock Bank.
 - Mã chứng khoán/Stock code: NAB.
 - Địa chỉ/Address: 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh/201-203 Cách Mạng Tháng Tám Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.
 - Email: namabank@namabank.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công bố thông tin định kỳ 06 tháng đầu năm 2025 về tình hình tài chính, tình hình thanh toán gốc lãi, và tình hình thực hiện cam kết với người sở hữu trái phiếu đối với các trái phiếu còn dư nợ./Periodic information disclosure for the first 06 months of 2025 regarding the bank's financial conditions; principal and interest payment status; information disclosure regarding the implementation of commitments to investors in respect of outstanding bonds.

Các tài liệu đính kèm/Attachment documents:

+ Công văn số 1776/2025/CV-NHNA-21 ngày 20/08/2025 về việc Công bố thông tin tình hình thanh toán gốc lãi./ Official dispatch No. 1776/2025/CV-NHNA-21 dated August 20th, 2025, on Disclosure of principal and interest payment status.

+ Công văn số 1777/2025/CV-NHNA-21 ngày 20/08/2025 về việc Công bố thông tin về tình hình thực hiện các cam kết với người sở hữu trái phiếu./ Official dispatch No. 1777/2025/CV-NHNA-21 dated August 20th, 2025, on Disclosure regarding the implementation of commitments to investors.

+ Công văn số 1778/2025/CV-NHNA-21 ngày 20/08/2025 về việc Công bố thông tin về tình hình tài chính./Official dispatch No. 1778/2025/CV-NHNA-21 dated August 20th, 2025, on Disclosure of financial conditions.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Nam Á:
<https://www.namabank.com.vn/>

This information has been published on the company's website as in the link: <https://www.namabank.com.vn/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/To:

- Như Kính gửi/As the Greetings part;
- Lưu/Archived: VP HĐQT/Office of BOD.

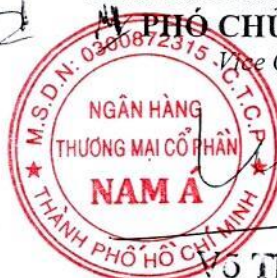
NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/NAM A BANK

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/

Authorized Person to disclose information

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT/

Vice Chairwoman



Thị Tuyết Nga

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞ/HEAD OFFICE

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bàn Cờ, TP. HCM
201-203 Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, HCMC
[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Independence – Freedom – Happiness

Số:/No.: 1778/2025/CV-NHNA-21

TP. HCM, ngày 20 tháng 08 năm 2025

V/v:/Ref: Công bố thông tin về tình hình tài
chính/Disclosure of financial conditions

HCMC, August 20th, 2025

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Nam Á gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

Pursuant to Circular No. 76/2024/TT-BTC dated 06th November 2024 promulgated by Ministry of Finance providing guidelines on information disclosure and reporting on private placement and trading of privately placed corporate bonds in domestic market and offering corporate bonds in international market, Nam A Bank hereby periodically discloses information on of financial conditions:

1. Thông tin về doanh nghiệp/Business Information

- Tên doanh nghiệp/Business name: Ngân hàng TMCP Nam Á/Nam A Commercial Joint Stock Bank.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số/Operating License No.: 18/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13 tháng 04 năm 2023/18/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank on April 13th, 2023.
- Địa chỉ trụ sở chính/Head office address: 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM/201-203 Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.
- Số điện thoại/Telephone: (84-28) 3929 6699; Fax: (84-28) 3929 6688;
- Địa chỉ thư điện tử/Email: namabank@namabank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp/Type of business: Ngân hàng thương mại, công ty đại chúng/Commercial bank, Public listed company
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính/Main business activities: Hoạt động ngân hàng, hoạt động trung gian tiền tệ khác, kinh doanh mua bán vàng miếng, cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng/Banking operations, other monetary intermediation activities, trading of gold bars, leasing out unused portions of the bank's business premises.
- Mã số thuế/Tax Identification Number: 0300872315

2. Tình hình tài chính/Financial conditions

- Kỳ báo cáo/Reporting period: kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025/Semiannual reporting period from January 1st, 2025 to June 30th, 2025).

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo/*Basic financial indicators of the enterprise during the reporting period:*

Chỉ tiêu/ <i>Financial indicators</i>	Kỳ trước 30 tháng 06 năm 2024/ <i>Previous period</i> 30 th June 2024	Kỳ báo cáo 30 tháng 06 năm 2025/ <i>Reporting period</i> 30 th June 2025
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)/Owner's equity (dong)	16.943.143.000.000	21.239.816.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ <i>Capital</i>	10.580.866.000.000	13.725.604.000.000
Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế/ <i>Funds from after-tax profits</i>	1.452.974.000.000	2.181.606.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ <i>Undistributed earnings</i>	4.917.872.000.000	5.352.114.000.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản/ <i>Impairment of assets</i>	0	0
Chênh lệch tỷ giá/ <i>Foreign exchange differences reserve</i>	0	0
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)/Total liabilities (dong)	211.973.539.000.000	293.558.267.000.000
Nợ vay ngân hàng/ <i>Borrowings from other credit institutions</i>	31.583.174.000.000	60.840.397.000.000
Nợ vay từ phát hành trái phiếu/ <i>Borrowings from bond issued</i>	4.470.000.000.000	3.460.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước/ <i>Privately issued bond in domestic market</i>	4.470.000.000.000	3.460.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước/ <i>Public issued bond in domestic</i>	0	0
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế/ <i>Issued bond in international market</i>	0	0
Nợ phải trả khác/ <i>Other liabilities</i>	175.920.365.000.000	229.257.870.000.000
+ Tiền gửi của khách hàng/ <i>Due to customers</i>	153.186.199.000.000	196.932.046.000.000
+ Các khoản nợ của chính phủ và NHNN Việt Nam/ <i>Borrowings from the Government and the SBV</i>	2.977.253.000.000	1.760.708.000.000
+ Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả khác/ <i>Derivatives and other liabilities</i>	0	0
+ Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro/ <i>Grants, entrusted funds, and loans exposed to risks</i>	1.070.097.000.000	1.861.566.000.000
+ Các khoản nợ khác/ <i>Other debts</i>	3.573.176.000.000	5.812.780.000.000

Chỉ tiêu/ <i>Financial indicators</i>	Kỳ trước 30 tháng 06 năm 2024/ <i>Previous period</i> 30 th June 2024	Kỳ báo cáo 30 tháng 06 năm 2025/ <i>Reporting period</i> 30 th June 2025
Nợ vay từ phát hành Chứng chỉ tiền gửi/ <i>Borrowings from Certificate of deposits issued</i>	15.113.640.000.000	22.890.770.000.000
3. Cơ cấu vốn (lần)/<i>Capital structure (times)</i>		
Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản <i>Debt to Total assets ratio</i>	0,93	0,93
Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu <i>Debt to equity ratio</i>	12,51	13,82
4. Khả năng thanh toán (lần)/<i>Payment capacity (times)</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)/ <i>Current ratio (Current assets/current liabilities)</i>		
Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn)/ <i>Quick ratio (Current assets – Inventories)/(current liabilities)</i>		
Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)/ <i>Interest coverage ratio (earnings before interest and taxes/interest)</i>	Nam A Bank thực hiện quản lý chỉ tiêu về khả năng thanh toán theo quy định của NHNN với các chỉ tiêu nêu tại mục 8 bên dưới/ <i>Nam A Bank manages payment capacity according to the regulations of the State Bank with the indicators stated in section 8 below.</i>	
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần)/ <i>Outstanding bonds issued/equity (times)</i>		
Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu <i>Total outstanding corporate bonds/equity ratio</i>	0,26	0,15
Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu <i>Outstanding privately corporate bonds/equity ratio</i>	0,26	0,15
6. Lợi nhuận (đồng)/<i>Earnings (dong)</i>		
Lợi nhuận/Lỗ trước thuế / <i>Profit before tax</i>	2.216.623.000.000	2.520.184.000.000
Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính/ <i>Profit after tax</i>	1.769.920.000.000	2.010.791.000.000
Lỗ lũy kế (nếu có)/ <i>Accumulated losses (if any)</i>	0	0
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)/<i>Profitability ratios (%)</i>		

Chỉ tiêu/ <i>Financial indicators</i>	Kỳ trước 30 tháng 06 năm 2024/ <i>Previous period</i> 30 th June 2024	Kỳ báo cáo 30 tháng 06 năm 2025/ <i>Reporting period</i> 30 th June 2025
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản <i>Return on Total Assets ratio</i>	1,47%	1,45%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu <i>Return on Equity ratio</i>	20,36%	19,59%
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (tổ chức tín dụng) (%) / <i>Financial safety indicators, Capital Adequacy Ratio according to regulations of specialized laws (%)</i>		
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản/ <i>Liquidity reserve ratio</i> (tối thiểu 10% theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN)/(<i>minimum 10% as prescribed in Circular No. 22/2019/TT-NHNN</i>)	17,35% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	22,66% (Đáp ứng)/(meet the requirements)
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam/ <i>30-day coverage ratio for Vietnamese Dong</i> (tối thiểu 50% theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN)/(<i>minimum 50% as prescribed in Circular No. 22/2019/TT-NHNN</i>)	73,41% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	104,57% (Đáp ứng)/(meet the requirements)
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ/ <i>30-day coverage ratio for foreign currencies</i> (tối thiểu 10% theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN)/(<i>minimum 10% as prescribed in Circular No. 22/2019/TT-NHNN</i>)	Không phát sinh/ <i>Not arising</i> (Đáp ứng)/(meet the requirements)	Không phát sinh/ <i>Not arising</i> (Đáp ứng)/(meet the requirements)
Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i> (tối thiểu 8% theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15)/(<i>Minimum 8% as prescribed in Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15</i>)	11,51% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	10,96% (Đáp ứng)/(meet the requirements)

Chỉ tiêu/Financial indicators	Kỳ trước 30 tháng 06 năm 2024/Previous period 30 th June 2024	Kỳ báo cáo 30 tháng 06 năm 2025/Reporting period 30 th June 2025
Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn/Maximum ratio of short-term funds used for medium- and long-term lending. (tối đa 30% theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15)/(Maximum 30% as prescribed in Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15)	14,13% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	21,94% (Đáp ứng)/(meet the requirements)
Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh/Rate of purchase and investment in government bonds and government-guaranteed bonds (tối đa 30% theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN)/(maximum 30% as prescribed in Circular No. 22/2019/TT-NHNN)	6,36% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	6,66% (Đáp ứng)/(meet the requirements)

Nguồn:/Source: Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất đã được xuất xét 2025/Reviewed Interim Consolidated Financial Statement 2025

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính bán niên hợp nhất đã được xoát xét năm 2025 bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:/The opinions about the reviewed interim consolidated financial statement by accredited audit organization.

- Tổ chức kiểm toán:/Audit organization: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam/Ernst & Young Vietnam Limited.

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán:/Opinion of audit organization:

“Căn cứ trên kết quả xoát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa biên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và Công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa biên độ.”/“Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying interim consolidated financial statements do not give the true and fair view, in all material respects, of the interim consolidated financial position of the Bank and its subsidiary as at 30 June 2025, and of the interim consolidated income statement, and its interim cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for Credit Institutions, and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the interim consolidated financial statements.”

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./We hereby certify that the information provided above is true, correct and completeness and we bear the full responsibility to the law.



Nơi nhận:/To

- Như Kính gửi;/As the Greetings part;
- Lưu/Archived: P.KDV/Treasury Trading Dept,
P.HCQT/Administrative Management Dept.

NGƯỜI LẬP BIỂU/

Tabulator

Trưởng phòng Kinh doanh vốn/
Director Treasury Trading Dept



Phạm Khắc Nguyễn Anh Tuấn

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/

Nam A Commercial Joint Stock Bank

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/

Deputy Chief Executive Officer



Vũ Hoàng Hải

Tài liệu đính kèm:/Attached document:

- Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên đã được soát xét năm 2025./Reviewed Interim Consolidated Financial Statement 2025.